

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST

Ngày 27/8/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đình Mùi.

2. Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16/7/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lường Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn x, xã B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh **Phạm Đức H**, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn x, xã B, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành án tại đội PN x, phân trại số Y, trại giam Q; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, tỉnh Quảng Ninh.

Các đương sự đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lường Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Nông Trường P, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại thôn x, xã B, tỉnh Lào Cai. Khoảng một năm sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T đi làm ăn công ty tại Hưng Yên, đến tháng 9 năm 2023 thì phát sinh ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H mãi chơi bời không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và sử dụng ma túy. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2023 không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, năm 2024 anh H bị bắt và bị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án

tại Trại giam Q. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đức H; Về con chung anh H, chị T có 02 con chung là Phạm Đức H1, sinh ngày 06/8/2012 và Phạm Đức R, sinh ngày 25/9/2018, hiện nay các con chung đang sinh sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Phạm Đức H1 và Phạm Đức R. Không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai của anh Phạm Đức H trình bày: Việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống và về con chung đúng như những gì chị T trình bày. Ngày 15 tháng 8 năm 2024 anh H bị bắt và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Anh H hiện đang chấp hành án nên anh đề nghị để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Đức H1 và Phạm Đức R, anh H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do anh H đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Đức H1 ngày 28/7/2025 trình bày: Cháu H1 có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Phạm Đức H; về con chung giao chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Phạm Đức H1, sinh ngày 06/8/2012 và Phạm Đức R, sinh ngày 25/9/2018, anh Phạm Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Đức H là bị đơn đăng ký thường trú tại thôn 9, xã B, tỉnh Lào Cai, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Phạm Đức H tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H mãi chơi bởi không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và sử dụng ma túy, anh H hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q. Chị T đề nghị ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy chị T và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung là Phạm Đức H1, sinh ngày 06/8/2012 và Phạm Đức R, sinh ngày 25/9/2018. Anh H đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, các con chung hiện đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, con chung Phạm Đức H1 đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. HĐXX thấy, chị T và anh H đều có nguyện vọng sau ly hôn để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng này của anh H, chị T phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Phạm Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Phạm Đức H1, sinh ngày 06/8/2012 và Phạm Đức R, sinh ngày 25/9/2018. Anh Phạm Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000211 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị Lương Thị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
 - VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
 - THADS tỉnh Lào Cai;
 - Các đương sự;
 - UBND xã B
- (Số 48 ngày 16/12/2011);
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh